

KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC

NHÓM TRẺ 25 – 36 THÁNG A1

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
a. Phát triển vận động			
1	- Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/ bụng và chân	- Hô hấp: tập hít vào thật sâu, thở ra từ từ. - Tay: + Hai tay giơ cao. + 2 tay đưa ra phía trước. + 2 tay đưa sang ngang. + 2 tay đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. + 1 tay đưa về phía trước, 1 tay đưa về phía sau. - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước. + Nghiêng người sang 2 bên. + Vặn người sang 2 bên. + Ngửa người ra phía sau. - Chân: + Ngồi xuống, đứng lên + Co duỗi từng chân + Đứng nhún chân. + Bật tại chỗ.	- 1 => 9
2	- Trẻ giữ được thăng	+ Đi theo hiệu lệnh	

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
	bằng trong vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay.	+ Đi trong đường hẹp + Đi có mang vật trên tay + Đi theo đường ngoằn ngoèo + Đứng co 1 chân + Đi bước vào các ô + Đi bước qua gậy kê cao + Đi kết hợp với chạy + Chạy theo hướng thẳng + Chạy đổi hướng + Bước lên xuống bậc cao 10-15cm + Bước lên xuống bậc có vịn	- 1 => 9
3	- Trẻ biết thực hiện phối hợp vận động tay-mắt: Tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1 - 1,2m	- Tung bóng bằng hai tay - Tung bóng qua dây - Tung - bắt bóng cùng cô - Ném trúng đích xa 1-1,2m. - Ném bóng về phía trước	- 1,2,3,4,5,9
4	- Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	+ Bò thẳng hướng và có vật trên lưng. + Bò chui qua cổng + Bò qua vật cản + Bò thẳng hướng theo đường hẹp + Bò theo đường ngoằn ngoèo (dích dắc)	- 1 => 9

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
		+ Trườn chui qua cổng + Trườn qua vật cản.	
5	- Trẻ thể hiện được sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m)	- Bật tại chỗ - Bật qua vạch kẻ - Bật qua các vòng - Nhún bật về phía trước - Bật xa bằng 2 chân - Ném xa bằng 1 tay - Đá bóng lên phía trước	- 1,2,3,4,5,6 7,9
6	- Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện " múa khéo"	+ Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé.	
7	- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay mắt trong các hoạt động : Nhào đất nặn; vẽ tổ chim, xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ	+ Đóng cọc bàn gỗ. + Nhón nhặt đồ vật. + Tập xâu, luồn dây,cài, cời cúc, buộc dây + Chắp ghép hình + Chồng, xếp 6 - 8 khối. + Tập cầm bút tô, vẽ. + Lật mở trang sách.	- 1 => 9
b. Dinh dưỡng và sức khỏe.			
8	- Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau của địa phương như: thịt lợn, thịt bò, cá, rau, canh... - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống: rửa tay trước	- 1 => 9

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
		khi ăn, ăn không khóc, không nói chuyện, tự xúc cơm, không làm rơi cơm trong ăn uống - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, uống.	
9	- Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa.	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ngủ.	- 1,2,4,9
10	- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định.	- Tập đi vệ sinh đúng nơi qui định. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu vệ sinh.	- 1,2,4,7
11	- Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...)	- Tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. + Chuẩn bị chỗ ngủ. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín, rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.	- 2 => 9
12	- Trẻ biết chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo	- Đội mũ khi ra nắng, biết nắng làm mình bị ốm - Đi giày dép	- 1,2,4,5,6,8,9

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
	ấm khi trời lạnh.	- Nhận ra sự thay đổi của thời tiết. Mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	
13	- Trẻ biết tránh một số vật dụng nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng,...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm: dao, kéo, vật sắc nhọn, bình nước nóng... - Nhận biết những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần: ổ điện, bếp đang đun, giếng, ao, nương, suối, cầu ...	- 1,3,4,5,6
14	- Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh; trèo lan can, trèo cây, trèo bàn ghế....	- 1,2,3,7
2. Phát triển nhận thức			
15	- Trẻ sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Sờ nắn, nhìn, ngửi ... để nhận biết đặc điểm nổi bật tên gọi, màu sắc, hình dạng, mùi vị ... của đồ vật, hoa, quả quen thuộc: Bàn, ghế, quả chuối, cam, hoa hồng, hoa cúc... - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật: Xắc xô,	- 1 => 9

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
		trống, loa, ti vi, điện thoại. Tiếng kêu của một số con vật quen thuộc: Con chó, mèo, gà vịt, cá tôm... - Nếm vị của một số thức ăn: canh, món xào, món luộc (mặn, chua).., quả (ngọt, chua)	
16	- Trẻ biết chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. + Đồ chơi, đồ dùng của bản thân bạn trai: Bóng, ô tô.., bạn gái; búp bê, nấu ăn.. + Đồ chơi, đồ dùng của nhóm lớp mẫu giáo.	- 3,4,9
17	- Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp.	- 1,2,4
18	- Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.	- 2
19	- Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa	- Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật, quen thuộc ở	

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
	quả, con vật quen thuộc.	địa phương. - Tên và một vài đặc điểm nổi bật của hoa quen thuộc ở địa phương. - Tên, đặc điểm nổi bật của một vài loại quả quen thuộc. - Tên đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi: Xe máy, xe đạp, ô tô, máy bay, ...	- 3,5,6,7,8,9
20	- Trẻ biết chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu.	- Nhận biết màu đỏ, xanh, vàng	-1 => 9
21	- Trẻ biết chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.	- Kích thước to - nhỏ. - Hình tròn, hình vuông - Số lượng(một - nhiều) - Vị trí trong không gian (trên- dưới - trước - sau) so với bản thân trẻ.	- 2,3,4,9
3. Phát triển ngôn ngữ			
22	- Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: “Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay? ...”	- Nghe và thực hiện yêu cầu bằng lời nói. - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.	- 1 => 9
23	- Trẻ trả lời và đặt câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “...làm gì?”,	- Nghe các câu hỏi: "Cái gì?"; "Làm gì?"; "Để làm gì?"; "ở đâu?" ; "Như thế nào?	- 2,3,4,5,7,8

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
	“....thế nào ?” (ví dụ: Con gà gáy thế nào?.....”,	" ...	
24	- Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Nghe các truyện ngắn - Lắng nghe khi người lớn đọc sách, truyện về giao thông... - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có sự gợi ý. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.	- 4,5,6,7,8,9
25	- Trẻ phát âm rõ tiếng.	- Phát âm các âm khác nhau - Trẻ trả lời và đặt câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “...làm gì?”, “....thế nào ?”	- 1 => 9
26	- Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có 3-4 tiếng. - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố.	- 1 => 9
27	- Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Thể hiện nhu cầu mong muốn và hiểu biết bằng 1 - 2 câu đơn giản và câu dài.	- 5,6,7, 8, 9
28	- Trẻ sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau:	- Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Con gì đây?”; “cái gì đây?”....	- 1 => 9

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
	+ Chào hỏi, trò chuyện. + Bày tỏ nhu cầu của bản thân. + Hỏi về các vấn đề quan tâm như: "Con gì đây?"; "Cái gì đây?"	- Chào hỏi, trò chuyện với cô, với bạn, với người thân. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân.	
29	- Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.	- 7,8,9
4. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ			
30	- Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. Bạn trai: Tóc ngắn, mặc quần áo; bạn gái: Tóc dài, buộc nơ, mặc váy.	- 2,6
31	- Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích.	- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.	- 3,8
32	- Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh, bạn bè, cô giáo, gia đình...	-1 => 9
33	- Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, tức giận.	- 1,2,5,6
34	- Trẻ biểu lộ cảm xúc vui buồn, sợ hãi qua nét mặt cử chỉ.	- Biểu lộ cảm xúc vui buồn, sợ hãi qua nét mặt cử chỉ.	

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
35	- Trẻ biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi; bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Quan tâm đến các vật nuôi gần gũi, gọi tên, bắt chước tiếng kêu: Con mèo, con gà, con chó...	- 5
36	- Trẻ biết chào, tạm biệt cảm ơn, ạ, vâng ạ.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ, vâng ạ”, chơi cạnh bạn không cầu bạn.	- 1,4,7,8,9
37	- Trẻ thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...)	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. Thể hiện một số hành vi qua việc chơi thao tác vai (bế em, cho em ăn, nấu cho em ăn, nghe điện thoại...)	- 1 => 9
38	- Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn: Chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.	- 2,3,5
39	- Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên. - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: Xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định, ăn xong cất bát vào rổ, bỏ rác vào thùng rác.	- 5,6,7,8,9
40	- Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau + Nghe âm thanh của các nhạc	- 1 => 9

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
	nhạc quen thuộc	cụ: xắc xô, phách tre, mõ, trống,... + Nghe âm thanh trong thiên nhiên: Tiếng nước chảy " róc rách", tiếng mưa rơi "tí tách"... + Nghe làn điệu dân ca của địa phương, những bài hát ru... - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.	
41	- Thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, vẽ nguệch ngoạc. - Xé giấy vụn, vò giấy, gấp giấy, xếp hình. - Xem tranh, ảnh.	- 1 => 9

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

STT	Chủ đề / thời gian	Chủ đề nhánh	Thời gian	Điều chỉnh bổ sung
	Từ ngày 03/9/2025 đến ngày 05/9/2024	- Rèn nề nếp	Từ 03/9 -> 05/9	
1	Bé vui đến trường – tết trung thu (4tuần) Từ ngày 08/09/2025 đến ngày 03/10/2025	- Bé yêu cô giáo	- 1 Tuần từ 08/9->12/9	
		- Các bạn lớp mình	- 1 Tuần từ 15/9->19/9	
		- Đồ dùng ở lớp của bé	- 1 Tuần từ 22/9->26/9	
		- Bé vui tết trung thu	- 1 Tuần từ 29/9->03/10	Tết trung thu (Phạm vi: Khối, lớp)
2	Bé biết gì về bản thân (4 tuần) Từ ngày 06/10/2025 đến ngày 31/10/2025	- Bé là ai	- 2 Tuần từ 06/10->17/10	
		- Cơ thể kỳ diệu của bé	- 2 Tuần từ 20/10-> 31/10	
3	Đồ dùng đồ chơi của bé - Ngày 20/11 (4 tuần) Từ ngày 03/11/2025 đến ngày 28/11/2025	- Bé với đồ chơi yêu thích	- 2 Tuần từ 03/11 ->14/11	
		- Ngày hội của cô giáo	- 1 Tuần từ 17/11->21/11	Ngày nhà giáo VN (Phạm vi: Khối, lớp)
		- Đồ dùng của bé	- 1 Tuần từ 24/11->28/11	
4	Mẹ và những người thân yêu của bé (4 tuần)	- Mẹ và những người thân yêu của bé	- 2 Tuần từ 01/12-> 12/12	

	Từ ngày 01/12/2025 đến ngày 26/12/2025	- Đồ dùng trong gia đình bé	- 2 Tuần từ 15/12->26/12	
5	Những con vật bé yêu (4 tuần) Từ ngày 29/12/2025 đến ngày 23/01/2026	- Con vật nuôi trong gia đình	- 2 Tuần từ 29/12-> 09/01	
		- Con vật sống dưới nước	- 1 Tuần từ 12/01->26/01	
		- Con vật sống trong rừng	- 1 Tuần từ 19/01->23/01	
6	Tết và mùa xuân (3 tuần) Từ ngày 26/01/2026 đến ngày 13/02/2026	- Mùa xuân đến rồi	- 1 Tuần 26/01->30/01	
		- Bé chuẩn bị đón tết	- 1 Tuần từ 02/2-> 06/2	
		- Ngày tết quê em	- 1 Tuần từ 09/2-> 13/2	Bé vui đón tết (Phạm vi: Toàn trường)
		Nghỉ tết nguyên đán từ ngày 16/02 đến ngày 20/02/2026		
7	Bé yêu cây xanh – Ngày 8/3 (4 tuần) Từ ngày 23/02/2026 đến ngày 20/3/2026	- Cây xung quanh bé	- 1 Tuần từ 23/2-> 27/2	
		- Ngày 8/3	- 1 Tuần từ 02/03-> 06/3	Ngày 8/3 (Phạm vi: Khối, lớp)
		- Bé yêu các loại rau, hoa	- 1 Tuần từ 09/3-> 13/3	
		- Bé thích các loại quả	- 1 Tuần từ 16/3-> 20/3	
8	Bé thích đi bằng PTGT đường gì	- PTGT đường bộ	- 2 Tuần từ 23/3-> 03/4	

	(4 tuần) Từ ngày 23/3/2026 đến ngày 17/4/2026	- Bé biết gì về máy bay	- 1 Tuần từ 06/4-> 10/4	
		- Thuyền, tàu thủy	- 1 Tuần từ 13/4->17/4	
9	Nước và mùa hè – Bé lên mẫu giáo (4 tuần) Từ ngày 20/04/2026 đến ngày 22/05/2026	- Nước cần cho bé	- 1 Tuần từ 20/4-> 24/4	
		<i>Tuần ôn</i>	<i>- 1 Tuần</i> <i>từ 27/4->01/5</i>	
		- Mùa hè đến rồi	- 2 Tuần từ 03/5-> 15/05	
		- Bé lên mẫu giáo.	- 1 tuần từ 18/5->22/5	

BAN GIÁM HIỆU

(Ký duyệt)

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

Phạm Thanh Thuý

Lê Thị Tám